BỘ TƯ PHÁP

BỘ TƯ PHÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2018/TT-BTP	*Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2018*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp,

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về đối tượng thi đua, khen thưởng; phát động thi đua, danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Sáng kiến; Cụm thi đua, Khu vực thi đua và Quỹ Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp.

Điều 2. Đối tượng thi đua trong ngành Tư pháp

1. Đối tượng thi đua thường xuyên bao gồm các tập thể là đơn vị thuộc Bộ Tư pháp; Cục Thi hành án dân sự; Chi cục Thi hành án dân sự; tập thể nhỏ thuộc các

đơn vị thuộc Bộ, Cục Thi hành án dân sự và cá nhân là công chức, viên chức, người lao động đang công tác, làm việc tại các cơ quan, đơn vị này, kể cả công chức, viên chức đang trong thời gian tập sự, nhân viên hợp đồng không xác định thời hạn, nhân viên hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên.

2. Đối tượng thi đua theo chuyên đề, theo đợt bao gồm các tập thể và cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này; tập thể là Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, tập thể nhỏ thuộc Sở Tư pháp và cá nhân là công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị này; cá nhân là công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã; tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Thi hành án Bộ Quốc phòng, tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tập thể, cá nhân được xác định cụ thể trong Kế hoạch phát động phong trào thi đua theo chuyên đề, theo đợt và tập thể, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ liên quan đến các lĩnh vực công tác của ngành Tư pháp.

Điều 3. Đối tượng khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư này được khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được; khen thưởng theo chuyên đề, theo đợt; khen thưởng đột xuất; cá nhân được khen thưởng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" và cá nhân được khen thưởng quá trình cống hiến nếu thuộc đối tượng.

2. Tập thể, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư này được khen thưởng theo chuyên đề, theo đợt; khen thưởng đột xuất và cá nhân được khen thưởng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp".

3. Tập thể, cá nhân được khen thưởng đối ngoại.

4. Các đối tượng khác theo quyết định của Bộ trưởng.

Điều 4. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Cá nhân, tập thể phải tham gia phong trào thi đua, đăng ký danh hiệu thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua mới được xem xét, công nhận danh hiệu thi đua.

2. Danh hiệu thi đua được công nhận trên cơ sở tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và thành tích thi đua đạt được.

Điều 5. Nguyên tắc và căn cứ xét khen thưởng

1. Việc khen thưởng trong ngành Tư pháp được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời, thiết thực;

b) Bảo đảm thống nhất, phù hợp giữa hình thức, mức hạng, đối tượng khen thưởng với chức năng, nhiệm vụ được giao và thành tích đạt được;

c) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; không nhất thiết khen thưởng theo trình tự có mức khen thưởng thấp rồi mới khen thưởng mức cao hơn; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để đề nghị nâng mức khen thưởng lần sau;

d) Đối với hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên) trong một năm mỗi tập thể, cá nhân chỉ được xét tặng một hình thức khen thưởng, trừ trường hợp khen thưởng quá trình cống hiến, khen thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất;

đ) Khi Bộ Tư pháp tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn... các cơ quan, đơn vị không đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng Bằng khen, Huân chương cho các tập thể hoặc cá nhân;

e) Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung;

g) Trong khen thưởng phải chú trọng đến các đối tượng là tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác; người dân tộc thiểu số; cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, học tập, công tác; tập thể, cá nhân từ yếu kém, phấn đấu trở thành điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua; Đối với khen thưởng thành tích thường xuyên, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng;

h) Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ;

i) Hình thức kỷ luật chỉ được xem xét áp dụng một lần đối với một hình thức khen thưởng của tập thể hoặc cá nhân, những lần xét khen sau không căn cứ vào hình thức kỷ luật đã xét lần trước;

k) Kết hợp động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất;

l) Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.

2. Việc xét khen thưởng trong ngành Tư pháp được thực hiện theo các căn cứ sau đây:

a) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn;

b) Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho tập thể, cá nhân. Hình thức khen thưởng theo chuyên đề, theo đợt không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề, theo đợt được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng;

c) Việc bình xét khen thưởng phải trên cơ sở kết quả đánh giá, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; của cơ quan, đơn vị;

d) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo;

đ) Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

Điều 6. Quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ đạo toàn diện công tác thi đua, khen thưởng trong toàn ngành Tư pháp, có quyền hạn và trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện những nội dung sau:

a) Tổ chức xây dựng, ban hành các văn bản, thể chế hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng phù hợp với quy định của pháp luật và đặc thù của ngành Tư pháp;

b) Tổ chức tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng và hướng dẫn tổ chức thực hiện trong ngành Tư pháp;

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp;

d) Chủ trì phát động, chỉ đạo triển khai các phong trào thi đua trong toàn ngành; phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức phát động phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề về các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của ngành Tư pháp; tổ chức kiểm tra việc triển khai các phong trào thi đua và thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng trong phạm vi Bộ, ngành; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả các phong trào thi đua; xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân điển hình tiên tiến trong toàn ngành; quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp.

2. Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham mưu cho Bộ trưởng, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan để tham mưu đề xuất khen thưởng cho cá nhân, tập thể trên cơ sở gắn với kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, kết quả xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị;

c) Chủ trì, phối hợp với Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai cơ sở dữ liệu về thi đua, khen thưởng của ngành Tư pháp;

d) Chủ trì, phối hợp với thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có liên quan tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp xây dựng tiêu chí chấm điểm, xếp hạng và tổ chức chấm điểm, xếp hạng các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đảm bảo khách quan, chính xác, công bằng, làm cơ sở bình xét thi đua, khen thưởng.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Căn cứ nội dung các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động, chủ trì, phối hợp với cấp ủy, tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong cơ quan, đơn vị

xác định nội dung, chỉ tiêu, các biện pháp phát động hưởng ứng và tổ chức thực hiện phong trào thi đua; phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân điển hình tiên tiến trong cơ quan, đơn vị; phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua theo chuyên đề, theo đợt đối với tập thể, cá nhân trong ngành, tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực công tác được giao tham mưu quản lý; tổ chức phát động phong trào thi đua theo chuyên đề, theo đợt đối với tập thể, cá nhân trong cơ quan, đơn vị và báo cáo Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp;

b) Đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua trong cơ quan, đơn vị;

c) Tổ chức tự chấm điểm thi đua của cơ quan, đơn vị mình đảm bảo nghiêm túc, chính xác, khách quan; tổ chức chấm điểm thi đua các nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý đối với Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo tiêu chí chấm điểm thi đua của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành khi được giao thực hiện;

d) Định kỳ hàng năm khi kết thúc phong trào thi đua thường xuyên hoặc kết thúc phong trào thi đua theo chuyên đề, theo đợt, tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua, bình xét, lựa chọn các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật;

đ) Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thi đua, khen thưởng theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp;

4. Cục trưởng Cục Công tác phía Nam có nhiệm vụ phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng, Tổng cục Thi hành án dân sự chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng các cơ quan trong ngành Tư pháp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ Phú Yên vào đến Cà Mau.

5. Các cơ quan thông tin, tuyên truyền, báo chí, xuất bản của ngành Tư pháp có nhiệm vụ tuyên truyền về công tác thi đua, khen thưởng, phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua nêu gương các điển hình tiên tiến, cổ động phong trào thi đua, đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp.

6. Thanh tra Bộ Tư pháp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thực hiện thanh tra về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp, tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng Bộ Tư pháp giải quyết kịp thời các vi phạm, khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

7. Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ nội dung, hình thức các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Khu vực thi đua phát động, lựa chọn hình thức, nội dung, tiêu chí phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu thực tiễn của địa bàn quản lý để hưởng ứng xây dựng, tổ chức phát động phong trào thi đua đối với tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền; phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân điển hình tiên tiến trong cơ quan, đơn vị; đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; Tổ chức tự chấm điểm thi đua của đơn vị mình và chấm điểm thi đua các đơn vị thuộc quyền quản lý theo tiêu chí chấm điểm của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành; bình xét, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

8. Cụm trưởng Cụm thi đua, Trưởng Khu vực thi đua căn cứ nội dung phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động, chủ trì, phối hợp với Phó Cụm trưởng, Phó trưởng Khu vực thi đua và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Cụm thi đua, Khu vực thi đua xây dựng, phát động, tổ chức thực hiện phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo chuyên đề, theo đợt đối với tập thể, cá nhân thuộc Cụm thi đua, Khu vực thi đua theo quy định tại Quy chế hoạt động của Cụm thi đua, Khu vực thi đua ngành Tư pháp.

9. Tập thể, cá nhân khác thuộc đối tượng thi đua, khen thưởng của ngành Tư pháp có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Được tham gia các phong trào thi đua do Bộ, ngành Tư pháp, cơ quan, đơn vị phát động;

b) Có quyền đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật hoặc từ chối nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích và không đúng tiêu chuẩn, thủ tục do pháp luật quy định;

c) Có quyền góp ý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân có đủ thành tích, tiêu chuẩn hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền không xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, thu hồi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được tặng thưởng không đúng tiêu chuẩn, thủ tục do pháp luật quy định;

d) Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của Bộ, ngành Tư pháp, cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác thi đua, khen thưởng;

đ) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về trình tự, thủ tục và thời hạn gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định của Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan khi được đề nghị khen thưởng;

e) Bảo quản các hiện vật khen thưởng theo quy định.

Chương II
TỔ CHỨC THI ĐUA; DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Hình thức tổ chức thi đua và nội dung tổ chức phong trào thi đua trong ngành Tư pháp

1. Các hình thức thi đua được tổ chức, phát động trong ngành Tư pháp bao gồm:

a) Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của Bộ, ngành Tư pháp, của cá nhân, tập thể cơ quan, đơn vị trong ngành để tổ chức phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua, theo đó xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể để triển khai thực hiện trong toàn ngành, trong cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc hoặc theo Cụm thi đua, Khu vực thi đua nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm theo chỉ tiêu, chương trình công tác đã được Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị, Cụm thi đua, Khu vực thi đua đề ra; kết thúc năm công tác, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, trưởng các Cụm thi đua, Khu vực thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua;

b) Thi đua theo chuyên đề, theo đợt là hình thức thi đua được tổ chức trong phạm vi Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của Bộ, ngành,

cơ quan, đơn vị. Thi đua theo chuyên đề, theo đợt chỉ được phát động khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian thực hiện.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua trong ngành Tư pháp được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 8. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua trình cấp có thẩm quyền xét tặng gồm:

a) Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" đối với cá nhân;

b) Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" đối với tập thể.

2. Danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền xét tặng gồm:

a) Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp"; "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và "Lao động tiên tiến" đối với cá nhân;

b) Danh hiệu "Cờ thi đua ngành Tư pháp"; "Tập thể lao động xuất sắc" và "Tập thể lao động tiên tiến" đối với tập thể.

Điều 9. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số các cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp";

b) Có sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc được Bộ trưởng Bộ Tư pháp công nhận trên cơ sở tham mưu xem xét, đánh giá của Hội đồng sáng kiến ngành Tư pháp do Bộ trưởng thành lập.

2. Thời điểm xét danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" là năm liền kề với năm đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp" lần thứ hai.

Điều 10. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp" được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

b) Có sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng đối với Bộ, ngành Tư pháp được Bộ trưởng Bộ Tư pháp công nhận trên cơ sở tham mưu xem xét, đánh giá của Hội đồng sáng kiến ngành Tư pháp Bộ trưởng thành lập.

2. Thời điểm xét danh hiệu "Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp" là năm đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" lần thứ ba.

Điều 11. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến";

b) Có sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu ở mức đạt trở lên được áp dụng có hiệu quả tại cơ quan, đơn vị do thủ trưởng cơ quan, đơn vị công nhận trên cơ sở tham mưu xem xét, đánh giá của Hội đồng sáng kiến cơ sở do thủ trưởng cơ quan, đơn vị thành lập.

2. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".

Điều 12. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

1. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Trường hợp cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc

tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến". Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

4. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét, tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

5. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến", trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ.

6. Cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến" do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

7. Không xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" đối với một trong các trường hợp:

a) Mới tuyển dụng dưới 10 tháng;

b) Bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 13. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ"

1. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" được xét tặng cho các tập thể sau:

a) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong số các tập thể đạt tiêu chuẩn "Cờ thi đua ngành Tư pháp".

Số lượng tập thể được xét, đề nghị tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng "Cờ thi đua ngành Tư pháp";

b) Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu các khối, cụm thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức;

c) Tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá, bình xét, suy tôn khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

2. Cụm thi đua, Khu vực thi đua họp bình xét, suy tôn danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”.

Điều 14. Danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp” được xét tặng cho tập thể là đơn vị thuộc Bộ, Cục Thi hành án dân sự và Chi cục Thi hành án dân sự đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

b) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua của ngành Tư pháp và đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”;

c) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong Bộ, ngành Tư pháp học tập;

d) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Cụm thi đua, Khu vực thi đua họp bình xét, suy tôn danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp”.

Điều 15. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

d) Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" được xét tặng hàng năm.

Điều 16. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Các cơ quan, đơn vị mới thành lập phải có thời gian hoạt động từ 01 năm (12 tháng) trở lên mới bình xét danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến".

Điều 17. Đăng ký danh hiệu thi đua, ký giao ước thi đua

1. Các đơn vị thuộc Bộ tổ chức cho các cá nhân, tập thể đăng ký phấn đấu thực hiện các nội dung, chỉ tiêu, danh hiệu thi đua và gửi 01 bản đăng ký thi đua về Vụ Thi đua - Khen thưởng, 01 bản về Cụm thi đua trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

2. Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức cho cá nhân, tập thể, gồm cả các Chi cục trực thuộc đăng ký phấn đấu thực hiện các nội dung, chỉ tiêu, danh hiệu thi đua và gửi 01 bản đăng ký thi đua về Vụ Thi đua - Khen thưởng; 01 bản đăng ký thi đua về Khu vực thi đua và 01 bản về Tổng cục Thi hành án dân sự trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

3. Các Cụm thi đua, Khu vực thi đua tổ chức ký giao ước thi đua thể hiện quyết tâm hưởng ứng, thực hiện phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động và xác định rõ các chỉ tiêu, nội dung, biện pháp thực hiện và tổng hợp các danh hiệu thi đua của các đơn vị trong Cụm thi đua, Khu vực thi đua đăng ký; gửi bản ký kết, giao ước thi đua về Vụ Thi đua - Khen thưởng trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

Chương III
CÁC LOẠI HÌNH KHEN THƯỞNG, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 18. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được được quy định như sau:

a) Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

b) Mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân do cấp trình khen thưởng căn cứ theo quy định xem xét, đánh giá, công nhận.

2. Khen thưởng theo chuyên đề, theo đợt, là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất:

a) Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm;

b) Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong lĩnh vực công tác của ngành Tư pháp được cơ quan, tổ chức trong khu vực hoặc thế giới tặng thưởng huy chương, giải thưởng, giấy chứng nhận và các hình thức ghi nhận hợp pháp khác, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và được cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền của Việt Nam thừa nhận.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động trong các giai đoạn cách mạng, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, có công lao, thành tích xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trong lĩnh vực công tác Tư pháp.

Điều 19. Các hình thức khen thưởng

1. Hình thức khen thưởng trình cấp có thẩm quyền xét tặng gồm:

a) Huân chương;

b) Huy chương;

c) Danh hiệu vinh dự Nhà nước;

d) “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”;

đ) “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

2. Hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền xét tặng gồm:

a) Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp";

b) "Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp";

c) Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự.

Điều 20. Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp"

Việc xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" được thực hiện theo quy định về xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

Điều 21. "Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp"

1. "Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp" để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động hàng năm;

b) Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc Bộ, ngành Tư pháp;

c) Lập được thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc Bộ, ngành Tư pháp;

d) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị công nhận.

2. "Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp" để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc Bộ, ngành Tư pháp;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

Điều 22. Giấy khen

1. Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương IV
THẨM QUYỀN ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG, QUYẾT ĐỊNH TẶNG; HỒ SƠ, THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG; TỔ CHỨC TRAO TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 23. Quy định chung về thẩm quyền khen thưởng và trình khen thưởng

1. Cấp quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của mình.

2. Cấp chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, theo đợt, khi tổng kết lựa chọn các điển hình để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc trình cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

Điều 24. Thẩm quyền đề nghị xét tặng, quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước"; "Cờ thi đua của Chính phủ"; "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ"; "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" cho tập thể và cá nhân thuộc Bộ Tư pháp theo quy định.

2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định tặng các danh hiệu thi đua "Cờ thi đua ngành Tư pháp", "Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp", "Tập thể lao động xuất sắc" và hình thức khen thưởng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp", Bằng khen cho tập thể, cá nhân trong ngành Tư pháp phù hợp với đối tượng thi đua và khen thưởng quy định tại Điều 2 của Thông tư này; quyết định tặng các danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến" và "Tập thể lao động tiên tiến" cho các tập thể, cá nhân của các đơn vị thuộc Bộ không có tư cách pháp nhân; quyết định tặng các danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến" cho cá nhân là Thủ trưởng đơn vị, danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" cho tập thể là đơn vị thuộc Bộ có tư cách pháp nhân.

Điều 25. Thẩm quyền, quy trình đề nghị xét tặng; thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Thẩm quyền, quy trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp tổng hợp hồ sơ gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng hoặc đề nghị Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với cá nhân, tập thể thuộc cơ quan, đơn vị mình. Phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng rà soát, cho ý kiến để trình Bộ trưởng tặng Bằng khen cho các đối tượng thuộc lĩnh vực được giao tham mưu, quản lý, theo dõi quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư này;

b) Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự tổng hợp hồ sơ đề nghị của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng hoặc đề nghị Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Thi hành án dân sự địa phương. Tổng hợp hồ sơ đề nghị của Cục trưởng Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng "Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp" cho các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Thi hành án quân đội đạt thành tích xuất sắc trong công tác thi hành án dân sự theo quy định tại Thông tư liên tịch số 141/2010/TTLT-BQP-BTP ngày 19/10/2010 giữa Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về thi hành án dân sự trong quân đội;

c) Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế hoàn thiện hồ sơ gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng hoặc đề nghị Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền tặng hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân nước ngoài; phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các thủ tục trình khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc ngành Tư pháp được cơ quan, tổ chức, Nhà nước, Chính phủ nước ngoài xét tặng theo quy định của pháp luật;

d) Chánh Văn phòng Bộ hoàn thiện hồ sơ gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thực hiện các quy trình khen thưởng theo quy định của pháp luật để trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng hoặc đề nghị Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho Lãnh đạo Bộ Tư pháp;

đ) Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp hồ sơ gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp trình cấp có thẩm quyền tặng, truy tặng các hình thức khen thưởng cho các đồng chí nguyên lãnh đạo của các đơn vị thuộc Bộ đã nghỉ hưu hoặc từ trần có cống hiến lâu dài trong ngành Tư pháp mà chưa được khen thưởng cống hiến;

e) Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, hoàn thiện hồ sơ gửi Tổng cục Thi hành án dân sự để tổng hợp gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng hoặc đề nghị Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Thi hành án dân sự địa phương thuộc phạm vi quản lý;

g) Giám đốc Sở Tư pháp hoàn thiện hồ sơ gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng danh hiệu "Cờ thi đua ngành Tư pháp" cho tập thể Sở Tư pháp; tặng "Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp" cho tập thể Sở Tư pháp, tập thể, cá nhân thuộc Sở Tư pháp có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề do Bộ, ngành Tư pháp phát động; tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của ngành Tư pháp tại địa phương có thành tích đột xuất.

2. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp có tư cách pháp nhân xem xét, quyết định tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến" và Giấy khen cho tập thể và cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định;

b) Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp không có tư cách pháp nhân quyết định tặng Giấy khen cho các tập thể và cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý; ký Quyết định thừa lệnh Bộ trưởng và đóng dấu Bộ sau khi được Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt đối với các danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", danh hiệu "Lao động tiên tiến" và "Tập thể lao động tiên tiến" cho các tập thể và cá nhân thuộc đơn vị mình;

c) Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự quyết định tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến" cho tập thể là Cục Thi hành án dân sự, cho cá nhân là Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự; tặng Giấy khen cho các tập thể và cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến" và Giấy khen cho cá nhân, tập thể thuộc Cục Thi hành án dân sự và các Chi cục Thi hành án dân sự;

đ) Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thường xuyên hàng năm; khen thưởng thành tích đột xuất cho tập thể, cá nhân theo quy định của pháp luật; tặng Giấy khen về thành tích xuất sắc một lĩnh vực, một chuyên đề, một nhiệm vụ chính trị cho tập thể, cá nhân khi hưởng ứng, tham gia phong trào thi đua chuyên đề, theo đợt do Bộ, ngành, Khu vực thi đua hoặc Sở Tư pháp phát động.

Điều 26. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

1. Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

2. Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

3. Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", "Cờ thi đua của Chính phủ"cho tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác theo mẫu số 01, Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng Huân chương, "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", "Chiến sỹ thi đua toàn quốc" của cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác theo mẫu số 02; Báo cáo thành tích đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương cho cá nhân có quá trình cống hiến theo mẫu số 03; Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng cho tập thể, phong tặng (truy tặng) danh hiệu Anh hùng cho cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác theo mẫu số 04 và mẫu số 05; Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất theo mẫu số 06; Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng theo đợt thi đua hoặc theo chuyên đề cho tập thể, cá nhân theo mẫu số 07; Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng Huân chương Hữu nghị, Huy chương Hữu nghị, Huân chương, "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" cho tổ chức, cá nhân nước ngoài theo mẫu số 08, mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng (05 bản chính).

4. Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được suy tôn, Biên bản Hội nghị tổng kết và biên bản kiểm phiếu bình xét suy tôn của Cụm thi đua hoặc Khu vực thi đua đối với trường hợp đề nghị "Cờ thi đua của Chính phủ".

Điều 27. Hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Cờ thi đua ngành Tư pháp", "Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp", "Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp" cho tập thể, cá nhân được lập thành 01 bộ gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng theo mẫu số 03, mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo thành tích phải liệt kê đầy đủ các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đạt được làm căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định;

d) Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được suy tôn theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này; Biên bản Hội nghị tổng kết và biên bản kiểm phiếu bình xét, suy tôn của Cụm thi đua hoặc Khu vực thi đua đối với trường hợp đề nghị "Cờ thi đua ngành Tư pháp";

đ) Quyết định công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị theo mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị theo mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng "Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp" theo chuyên đề hoặc theo đợt gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Báo cáo đánh giá kết quả sơ kết, tổng kết của đơn vị chủ trì chuyên đề (áp dụng khi phát động phong trào thi đua theo chuyên đề có phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị).

Điều 28. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự

1. Tờ trình kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

2. Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

3. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

4. Quyết định công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị theo mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị theo mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 29. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản

1. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản cho các tập thể, cá nhân được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

a) Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên khích lệ quần chúng;

b) Cá nhân, tập thể lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc thành tích đột xuất trong công tác, lao động, học tập;

c) Thành tích, công trạng rõ ràng.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản được lập thành 01 bộ, gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng của cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 30. Thời hạn, phương thức gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Thời hạn gửi hồ sơ về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp đề nghị khen thưởng thường xuyên hàng năm, khen chuyên đề vào dịp tổng kết năm được thực hiện như sau:

a) Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng "Tập thể lao động xuất sắc", "Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp"

cho tập thể, danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp" cho cá nhân của các đơn vị thuộc Bộ trước ngày 25 tháng 11 hàng năm;

b) Tổng cục Thi hành án dân sự gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của tập thể, cá nhân các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương và Cơ quan Thi hành án quân đội trước ngày 20 tháng 10 hàng năm;

c) Thời gian gửi hồ sơ đề nghị xét tặng "Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp" theo chuyên đề cho tập thể và cá nhân của Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 11 hàng năm;

d) Các Cụm thi đua, Khu vực thi đua gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua "Cờ thi đua của Chính phủ", "Cờ thi đua ngành Tư pháp" của các đơn vị thuộc Cụm thi đua, Khu vực thi đua về Vụ Thi đua - Khen thưởng sau 05 ngày, kể từ ngày kết thúc Hội nghị tổng kết thi đua của Cụm thi đua, Khu vực thi đua (chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hàng năm).

2. Thời hạn gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước theo công trạng và thành tích đạt được trước ngày 31 tháng 3 hàng năm (trừ trường hợp khen thưởng đột xuất, khen thưởng quá trình cống hiến và khen thưởng đối ngoại); đối với danh hiệu "Anh hùng Lao động", "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân" trước ngày 05/01 của năm tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc.

3. Thời hạn gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng theo chuyên đề, đột xuất và các loại hình khen thưởng khác được thực hiện theo văn bản hướng dẫn hoặc kế hoạch phát động của Bộ Tư pháp, của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền.

5. Ngoài bộ hồ sơ gửi theo đường công văn, cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng phải đồng thời gửi kèm file điện tử của hồ sơ trình (ở định dạng .doc đối với tờ trình, danh sách của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, ở định dạng .pdf đối với các hồ sơ khác có liên quan) đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng (thiduakhenthuong@moj.gov.vn).

Điều 31. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trình khen thưởng

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm gửi hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn quy định. Vụ Thi đua - Khen thưởng tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Đối với hồ sơ không đúng quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm thông báo cho đơn vị trình và xác định rõ thời hạn hoàn thiện hồ sơ gửi lại cho Vụ Thi đua - Khen thưởng.

2. Thời gian thẩm định hồ sơ của Vụ Thi đua - Khen thưởng

a) Đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thời gian thẩm định hồ sơ tối đa là 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

b) Đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, thời gian thẩm định hồ sơ tối đa là 20 ngày, trường hợp đặc biệt không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Chậm nhất sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp họp xét hoặc lấy ý kiến các thành viên, Vụ Thi đua - Khen thưởng phải hoàn tất các thủ tục theo quy định để trình Bộ trưởng, trừ trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

Điều 32. Tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Người có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đó theo quy định về nghi thức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Nghi thức tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước: Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự nhà nước, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước", "Cờ thi đua của Chính phủ", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" và danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc" được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Việc tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là dịp để biểu dương, tôn vinh những điển hình tiên tiến phải đảm bảo trang trọng, thiết thực, tránh phô trương, hình thức, lãng phí; khi tổ chức cần kết hợp vào dịp Hội nghị tổng kết công tác của Ngành, của cơ quan, đơn vị hoặc lồng ghép với các nội dung khác để tiết kiệm thời gian và chi phí.

4. Vụ Thi đua - Khen thưởng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng về việc tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng.

Điều 33. Hiệp y khen thưởng

1. Bộ Tư pháp thực hiện hiệp y khen thưởng theo đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

2. Khi nhận được văn bản đề nghị hiệp y của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm soạn thảo văn bản hiệp y, lấy ý kiến thành viên là các Phó Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp.

3. Vụ Thi đua - Khen thưởng tổng hợp các ý kiến tham gia và hoàn chỉnh dự thảo văn bản hiệp y, trình Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của ngành Tư pháp xem xét, quyết định.

Điều 34. Quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm quản lý, lưu giữ hồ sơ, ghi sổ, thống kê theo dõi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước; thực hiện bàn giao hồ sơ khen thưởng cho Lưu trữ cơ quan theo quy định của pháp luật hiện hành về lưu trữ.

2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ, ghi sổ, thống kê theo dõi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của các cá nhân, tập thể thuộc cơ quan, đơn vị mình. Các quyết định về tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ phải gửi cho Vụ Thi đua - Khen thưởng chậm nhất sau 15 ngày, kể từ ngày ký ban hành quyết định.

3. Hồ sơ thi đua, khen thưởng được lưu trữ trên giấy và lưu trữ điện tử theo quy định của pháp luật.

Chương V
HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG; HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN; CỤM THI ĐUA VÀ KHU VỰC THI ĐUA

Điều 35. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập, tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng: Thứ trưởng phụ trách công tác thi đua, khen thưởng là Phó Chủ tịch thứ nhất. Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng là Phó Chủ tịch thường trực và một số Phó Chủ tịch khác do Bộ trưởng quyết định;

c) Các Ủy viên Hội đồng là thủ trưởng một số đơn vị thuộc Bộ, số lượng và thành phần cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Vụ Thi đua - Khen thưởng là thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp tổ chức phát động, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện phong trào thi đua trong ngành Tư pháp; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn, đảm bảo cho phong trào thi đua của Ngành phát triển mạnh mẽ, sâu rộng, đúng hướng, thiết thực và có hiệu quả;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng và tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp;

c) Tham mưu việc phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến; việc bình xét, lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua của ngành Tư pháp để Bộ trưởng tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

5. Hội đồng làm việc theo Quy chế hoạt động do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

Điều 36. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở của Tổng cục Thi hành án dân sự, các đơn vị thuộc Bộ và Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập, tham mưu cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là người đứng đầu tổ chức giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; Trường hợp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở có từ 11 thành viên trở lên thì chỉ định 02 hoặc 03 Phó Chủ tịch;

c) Các Ủy viên Hội đồng là đại diện cấp ủy, tổ chức Công đoàn và các thành viên khác là trưởng các đơn vị chuyên môn trực thuộc do thủ trưởng cơ quan, đơn vị lựa chọn, quyết định.

3. Thường trực Hội đồng là tổ chức giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện công tác thi đua, khen thưởng.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Tham mưu cho thủ trưởng đơn vị tổ chức phát động, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện phong trào thi đua; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn trong lĩnh vực, nhiệm vụ quản lý của cơ quan, đơn vị;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị;

c) Phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến trong cơ quan, đơn vị; bình xét, lựa chọn những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua, trình thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị thủ trưởng cơ quan, đơn vị trình Bộ trưởng tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn theo quy định;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác được thủ trưởng cơ quan, đơn vị giao.

5. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở làm việc theo Quy chế hoạt động do thủ trưởng cơ quan, đơn vị ban hành.

Điều 37. Hội đồng sáng kiến ngành Tư pháp

1. Hội đồng sáng kiến ngành Tư pháp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập, có chức năng tham mưu, tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp về tổ chức thực hiện hoạt động sáng kiến và công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu làm căn cứ xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Thành phần của Hội đồng sáng kiến ngành Tư pháp gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thứ trưởng phụ trách công tác thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng;

c) Thành viên Hội đồng bao gồm Thủ trưởng một số đơn vị thuộc Bộ, đại diện tổ chức Công đoàn Bộ và một số cá nhân khác. Thành phần và số lượng thành viên của Hội đồng do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

3. Hội đồng Sáng kiến ngành Tư pháp làm việc theo Quy chế tổ chức, hoạt động do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

Điều 38. Hội đồng sáng kiến cơ sở

1. Hội đồng sáng kiến cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập có chức năng tham mưu, tư vấn cho Thủ trưởng đơn vị về tổ chức thực hiện hoạt động sáng kiến và công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu làm căn cứ xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền.

2. Thành phần của Hội đồng sáng kiến cơ sở gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là 01 Phó thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo của tổ chức giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện công tác thi đua, khen thưởng;

c) Các thành viên Hội đồng là các cá nhân có năng lực, trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học. Số lượng và thành phần cụ thể do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

3. Hội đồng sáng kiến cơ sở làm việc theo Quy chế tổ chức và hoạt động do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ban hành.

Điều 39. Cụm thi đua, Khu vực thi đua

1. Căn cứ đặc điểm về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, phạm vi hoạt động của các đơn vị, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập các Cụm thi đua của các đơn vị thuộc Bộ.

2. Căn cứ đặc điểm, điều kiện cụ thể theo khu vực, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập các Khu vực thi đua của các Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Cụm thi đua, Khu vực thi đua có chức năng tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp tổ chức phát động, triển khai thực hiện, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua hàng năm, theo chuyên đề, theo đợt phù hợp với điều kiện, đặc điểm cụ thể của Cụm thi đua, Khu vực thi đua.

4. Cụm thi đua, Khu vực thi đua được tổ chức và hoạt động theo quy chế do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

5. Trưởng Cụm thi đua, Trưởng Khu vực thi đua lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Cụm thi đua, Khu vực thi đua và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Cụm thi đua, Khu vực thi đua; chủ trì và kết luận các Hội nghị của Cụm thi đua, Khu vực thi đua. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cử Trưởng và Phó Trưởng Cụm thi đua, Khu vực thi đua theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng.

Điều 40. Nhiệm vụ của Cụm thi đua, Khu vực thi đua

1. Tổ chức phát động, ký giao ước thi đua thể hiện quyết tâm hưởng ứng, thực hiện phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động; đề ra các chỉ tiêu, nội dung, biện pháp tổ chức thực hiện nhằm phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, đúng hướng, có hiệu quả phong trào thi đua của Cụm thi đua, Khu vực thi đua.

2. Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua hàng năm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ tổ chức phong trào thi đua của Cụm thi đua, Khu vực thi đua; chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng các mô hình mới, các điển hình tiên tiến trong Cụm thi đua, Khu vực thi đua.

3. Thống nhất đánh giá hiệu quả, tác dụng của phong trào thi đua; kiểm tra kết quả thực hiện các phong trào thi đua, kết quả tự chấm điểm thi đua theo tiêu chí chấm điểm thi đua và xếp hạng của Bộ Tư pháp của các đơn vị có đăng ký các danh hiệu thi đua dự kiến đề nghị suy tôn tại Cụm thi đua, Khu vực thi đua.

4. Bình chọn, suy tôn tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong Cụm thi đua, Khu vực thi đua để đề nghị xét tặng "Cờ thi đua của Chính phủ", "Cờ thi đua ngành Tư pháp".

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Bộ trưởng Bộ Tư pháp giao.

Chương VI
LẬP, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NGÀNH TƯ PHÁP

Điều 41. Lập Quỹ thi đua, khen thưởng, nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp

1. Lập quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp để tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện chính sách, chế độ về khen thưởng trong ngành Tư pháp.

2. Vụ Thi đua - Khen thưởng chủ trì phối hợp với Cục Kế hoạch - Tài chính tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp theo quy định của pháp luật.

3. Cục Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chi tiết việc trích lập, quản lý, sử dụng và quyết toán Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp hàng năm theo quy định của pháp luật.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác. Việc trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp được thực hiện như sau:

a) Hàng năm, căn cứ vào vào tổng quỹ lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm của số lao động hợp đồng theo thang bảng lương do Nhà nước quy định, kết quả thực hiện Quỹ thi đua, khen thưởng năm trước và dự kiến tổng mức chi của năm hiện hành, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp và mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị dự toán trực thuộc từ ngân sách Nhà nước với mức tối đa 20% tổng quỹ tiền lương chức vụ, ngạch, bậc của số cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm nêu trên;

b) Hàng năm, theo thông báo của Cục Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Bộ có trách nhiệm nộp một phần kinh phí thi đua, khen thưởng của đơn vị, Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm trích nộp một phần kinh phí thi đua, khen thưởng của các đơn vị dự toán trong hệ thống cơ quan Thi hành án dân sự vào tài khoản Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp để phục vụ công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 42. Quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp

1. Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp do Vụ Thi đua - Khen thưởng phối hợp với Cục Kế hoạch - Tài chính Bộ Tư pháp quản lý.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp có tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc Nhà nước do Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng được Bộ trưởng Bộ Tư pháp ủy quyền làm chủ tài khoản, được sử dụng con dấu của Bộ Tư pháp để quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp được dùng để chi trong việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua; chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng mà thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới và được sử dụng để chi một số nội dung khác trong công tác thi đua, khen thưởng, bao gồm:

a) Chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng (giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, kỷ niệm chương, huy hiệu, cờ thi đua, hộp, khung) theo quy định;

b) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể; mức tiền thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng áp dụng theo quy định từ Điều 69 đến Điều 74 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ trên cơ sở các nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 66 sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; Người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân tập thể người nước ngoài, được tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng kèm theo tặng phẩm lưu niệm;

c) Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp để chi tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền về tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành Tư pháp về thi đua, khen thưởng; tổ chức các hoạt động tuyên truyền nhân rộng, biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến; kiểm tra việc tổ chức phong trào thi đua và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng trong toàn ngành Tư pháp.

4. Nội dung chi và mức chi cụ thể trong thi đua, khen thưởng của ngành Tư pháp được thực hiện theo quy định tại Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, quy định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và quy định của pháp luật về tài chính hiện hành.

5. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng, con dấu riêng tổ chức thực hiện phong trào thi đua và quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền thì chi tiền thi đua, khen thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị mình.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Trách nhiệm thi hành

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương, Trưởng Cụm thi đua, Trưởng Khu vực thi đua, Thủ trưởng cơ quan Thi hành án quân đội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Vụ Thi đua - Khen thưởng chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ có liên quan tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

3. Tổng cục Thi hành án dân sự chủ trì, phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng tham mưu, giúp Bộ trưởng hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

Điều 44. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 7 năm 2018 thay thế Thông tư số 14/2015/TT-BTP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp./.

BỘ TRƯỞNG

Lê Thành Long

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Các biểu mẫu	Nội dung
Mẫu số 01	Tờ trình.
Mẫu số 02	Biên bản họp Hội đồng thi đua - khen thưởng.
Mẫu số 03	Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua của ngành Tư pháp, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Tập thể lao động xuất sắc đối với tập thể.
Mẫu số 04	Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp đối với cá nhân.
Mẫu số 05	Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho (tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất).
Mẫu số 06	Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho (tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc theo chuyên đề hoặc theo đợt).
Mẫu số 07	Quyết định công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học, giải pháp công tác.
Mẫu số 08	Quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

Thể thức và kỹ thuật trình bày của các mẫu biểu được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

MẪU SỐ 01

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr....	*...(1)...., ngày.... tháng.... năm.....*

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị khen thưởng.....(2)

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tư pháp (hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp trên)

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp và kết quả phiên họp ngày... tháng... năm... của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng..(3)..

...(3)... kính đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp (hoặc cơ quan, đơn vị cấp trên) xét, tặng khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc...(2).... như sau:

1. "Cờ thi đua ngành Tư pháp".... tập thể.
2. "Tập thể lao động xuất sắc".... tập thể.
3. "Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp"..... cá nhân.
4. "Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp".... tập thể;.... cá nhân.

.....

(Có danh sách kèm theo)

...(3).... kính đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp (hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp trên) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT,...	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:
(1) Địa danh;
(2) Ghi rõ loại hình khen thưởng theo thành tích năm, theo chuyên đề.....;
(3) Tên cơ quan, đơn vị đề nghị.

DANH SÁCH CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

(Kèm theo Tờ trình số /TTr -... ngày... tháng... năm... của.....)

Số TT	Danh hiệu, hình thức khen thưởng Họ và tên cá nhân; tên tập thể	Chức vụ, đơn vị
I	**Cờ thi đua ngành Tư pháp**	
1.	....	
II	**Tập thể lao động xuất sắc**	
1.	.....	
III	**Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp**	
1	Ông (bà)...	
	...	
IV	**Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp**	
a.	***Tập thể:***	
1.	.....	
b.	***Cá nhân***	
1.	Ông (bà).....	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

MẪU SỐ 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG
Về việc xét, đề nghị khen thưởng.....(1)

Thời gian:..... giờ..... phút, ngày.... tháng.... năm....

Địa điểm:.....

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng...(2)... tiến hành họp xét, đề nghị.....(3)... trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc..... (năm, đột xuất, theo đợt, theo chuyên đề)

Chủ trì cuộc họp: Đ/c....., Chủ tịch Hội đồng TĐKT.

Thư ký cuộc họp: Đ/c....., chức vụ:.....

Các thành viên Hội đồng TĐKT cơ sở có..... thành viên tham dự (vắng đồng chí....), gồm các đồng chí:

1. Đ/c..... chức vụ:..... Chủ tịch Hội đồng TĐKT;

2. Đ/c..... chức vụ:..... Phó Chủ tịch Hội đồng TĐKT;

3. Đ/c..... chức vụ:..... Ủy viên;

4. Đ/c..... chức vụ:..... Ủy viên, thư ký Hội đồng.

Sau khi nghe Chủ tịch Hội đồng quán triệt về tiêu chuẩn, điều kiện và tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng; Hội đồng đã thảo luận, phân tích, đánh giá thành tích của các tập thể, cá nhân. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ...(2)... đã biểu quyết (hoặc bỏ phiếu kín), kết quả nhất trí....%, đề nghị....(3)... trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có tên sau:

STT	Tên cá nhân/tập thể	Hình thức khen thưởng

Cuộc họp kết thúc vào hồi.... giờ.... phút, ngày.... tháng.... năm....

THƯ KÝ	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Ghi rõ loại hình khen thưởng theo thành tích, theo đợt hoặc theo chuyên đề.....;

(2) Tên cơ quan, đơn vị đề nghị;

(3) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đề nghị.

MẪU SỐ 03

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...(1)...., ngày.... tháng.... năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH

Đề nghị tặng thưởng.....(2)

Tên tập thể đề nghị: (Ghi đầy đủ bằng chữ in hoa, không viết tắt)

I- SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1- Đặc điểm, tình hình

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang thông tin điện tử:

- Quá trình thành lập và phát triển:

- Những đặc điểm chính của cơ quan, đơn vị (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể.

2- Chức năng, nhiệm vụ: Những chức năng, nhiệm vụ được giao (nêu khái quát).

II- THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1- Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị và tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, Khen thưởng 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng năm 2013; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; Thông tư số 08/2017/TT-BNV và Thông tư này.

- Nội dung báo cáo nêu rõ thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đạt được, cụ thể:

+ Các đơn vị thuộc Bộ phải nêu rõ báo cáo về các nhiệm vụ đã đạt được trong năm theo chương trình, nhiệm vụ trọng tâm của ngành Tư pháp, theo Quyết định phê duyệt Kế hoạch công tác của các đơn vị đã được ban hành ngay từ đầu năm (có nêu rõ về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác...).

+ Cơ quan Thi hành án dân sự phải báo cáo cụ thể về tỷ lệ kết quả thi hành án dân sự đạt...% (về việc, về tiền, về giảm án tồn đọng...) so với kế hoạch được giao; kết quả số điểm tự chấm/số điểm chuẩn theo Bảng tiêu chí chấm điểm thi đua và xếp hạng đối với các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương được Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành hàng năm.

- Việc đổi mới công tác quản lý, các sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả, có đóng góp cho ngành Tư pháp (3).

2- Các giải pháp thực hiện và những nguyên nhân đạt được thành tích: Phần này cần nêu được những sáng kiến, những việc làm mới, những giải pháp đạt được thành tích; các phong trào thi đua được áp dụng trong thực tiễn công tác.

3- Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Hoạt động của các tổ chức đảng, đoàn thể.

III- CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC GHI NHẬN

1. Danh hiệu thi đua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số quyết định, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành quyết định
	Tập thể lao động xuất sắc	
	Cờ thi đua ngành Tư pháp	
	Cờ thi đua của Chính phủ	
	....	

2. Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số quyết định, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành quyết định
	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	
	....	

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC NHẬN (4)
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Địa danh;

(2) Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng (Cờ thi đua ngành Tư pháp; Tập thể Lao động xuất sắc; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp);

(3) Tùy theo hình thức đề nghị khen thưởng, nêu các thành tích đã đạt được trong việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Đối với Cờ thi đua ngành Tư pháp, Tập thể Lao động xuất sắc thì báo cáo nêu rõ thành tích đạt được trong năm đề nghị; đối với Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp thì báo cáo nêu rõ thành tích trong 02 năm, năm đề nghị và năm trước liền kề;

Đối với những tập thể có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, trong báo cáo thành tích của tập thể phải kê khai rõ các nội dung về số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký; tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước; cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật, nộp đúng thời hạn và gửi kèm bản photo các chứng từ đã nộp cơ quan thuế để đối chiếu;

(4) - Đối với tập thể là các đơn vị thuộc Bộ là nhận xét, xác nhận của Lãnh đạo Bộ phụ trách;

- Đối với tập thể nhỏ thuộc các đơn vị thuộc Bộ là nhận xét, xác nhận của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ;

- Đối với tập thể là Chi cục THADS, các tập thể thuộc Cục THADS là nhận xét, xác nhận của Cục trưởng Cục THADS;

- Đối với tập thể là Cục THADS là nhận xét, xác nhận của Tổng cục trưởng Tổng cục THADS Bộ Tư pháp.

MẪU SỐ 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1)...., ngày.... tháng.... năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
Đề nghị tặng thưởng.....(2)....

I- SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ và tên: (Ghi đầy đủ bằng chữ in hoa, không viết tắt) Nam, nữ:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Quê quán:
- Nơi thường trú:
- Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay:
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

II- THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Sơ lược thành tích của đơn vị: (Chỉ áp dụng đối với cá nhân là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thì nêu tóm tắt khái quát thành tích của đơn vị).

2. Thành tích đạt được của cá nhân:

2.1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận.

2.2. Thành tích đạt được:

- Nêu rõ kết quả đã đạt được về số lượng, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao; kết quả cụ thể trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, các biện pháp đổi mới công tác quản lý (nếu là lãnh đạo) (3);

- Những sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được áp dụng vào thực tiễn đạt hiệu quả, có đóng góp cho ngành Tư pháp, cụ thể nêu rõ:

+ Tên

+ Nội dung

+ Phạm vi áp dụng

+ Hiệu quả

của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được công nhận (ghi rõ số, ngày tháng, năm được công nhận) hoặc có Giấy chứng nhận của Hội đồng Khoa học kèm theo.

III- CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC GHI NHẬN

1. Danh hiệu thi đua

Năm	Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng	Số quyết định, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành quyết định
	Chiến sỹ thi đua cơ sở	
	Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp	
	....	

2. Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số quyết định, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành quyết định
	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	
	....	

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ NHẬN XÉT, XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC NHẬN (4)
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Địa danh;

(2) Ghi rõ danh hiệu, hình thức đề nghị khen thưởng (Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp);

(3) Tùy theo hình thức đề nghị khen thưởng, nêu các thành tích đã đạt được trong việc thực hiện nhiệm vụ. Đối với Chiến sỹ thi đua Ngành thì báo cáo nêu rõ thành tích trong 03 năm (năm đề nghị và 02 năm trước liền kề); đối với Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp thì báo cáo nêu rõ thành tích trong 2 năm, năm đề nghị và năm trước liền kề;

Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, trong báo cáo thành tích của cá nhân là Thủ trưởng đơn vị phải kê khai rõ các nội dung về số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký; tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước; cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật, nộp đúng thời hạn và gửi kèm bản photo các chứng từ đã nộp cơ quan thuế để đối chiếu;

(4) - Đối với cá nhân là Phó Thủ trưởng đơn vị và công chức, viên chức, người lao động trong các đơn vị thuộc Bộ là nhận xét, xác nhận của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ;

- Đối với cá nhân là Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ là nhận xét, xác nhận của Lãnh đạo Bộ phụ trách;

- Đối với cá nhân là Phó Cục trưởng Cục THADS và công chức, người lao động thuộc Cục THADS, Chi cục THADS là nhận xét, xác nhận của Cục trưởng Cục THADS;

- Đối với cá nhân là Cục trưởng Cục THADS là nhận xét, xác nhận của Tổng cục trưởng Tổng cục THADS Bộ Tư pháp.

MẪU SỐ 05

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...(1)...., ngày.... tháng.... năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
Đề nghị tặng thưởng "Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp" về...(2)...)

I- SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH ĐƠN VỊ

- Đối với đơn vị ghi sơ lược quá trình thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức, viên chức. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II- THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo nêu ngắn gọn nội dung thành tích xuất sắc đột xuất đã đạt được được cấp trên ghi nhận, không nằm trong Kế hoạch được giao từ đầu năm thành tích về phòng, chống tội phạm; phòng, chống bão lụt; phòng chống cháy, nổ; bảo vệ tài sản của nhà nước; bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ (3)
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
(1) Địa danh;
(2) Thành tích xuất sắc đột xuất được đề nghị;
(3) Đối với cá nhân và tập thể đều do Thủ trưởng đơn vị lập ký xác nhận và đóng dấu;

MẪU SỐ 06

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ (1)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...(2)...., ngày.... tháng.... năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
Đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
về thành tích xuất sắc theo chuyên đề, theo đợt thi đua....(3)....

Tên đơn vị hoặc cá nhân đề nghị khen thưởng:
(Ghi đầy đủ bằng chữ in hoa, không viết tắt)

I- SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH ĐƠN VỊ

- Đối với đơn vị ghi sơ lược quá trình thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức, viên chức. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh; quê quán; nơi thường trú; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; chức vụ, đơn vị công tác...

II- THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo thành tích phải căn cứ vào mục tiêu (nhiệm vụ), các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, hiệu quả... đã được đăng ký trong đợt phát động thi đua theo đợt, theo chuyên đề; các biện pháp, giải pháp đạt được thành tích xuất sắc, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, dẫn đầu phong trào thi đua; những kinh nghiệm rút ra trong đợt thi đua...(4)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC NHẬN (6) *(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)*	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ (5)** *(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng đối với tập thể đề nghị khen thưởng;

(2) Địa danh;

(3) Tên chuyên đề phát động;

(4) Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, trong báo cáo thành tích của tập thể hoặc cá nhân là Thủ trưởng đơn vị phải kê khai rõ các nội dung về số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký; tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước; cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật, nộp đúng thời hạn và gửi kèm bản photo các chứng từ đã nộp cơ quan thuế để đối chiếu;

(5) Đối với cá nhân: ký, ghi rõ họ, tên và Thủ trưởng đơn vị nhận xét, xác nhận, ký, đóng dấu;

(6) - Đối với tập thể là các đơn vị thuộc Bộ là nhận xét, xác nhận của Lãnh đạo Bộ phụ trách;

- Đối với tập thể nhỏ thuộc các đơn vị thuộc Bộ là nhận xét, xác nhận của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ;

- Đối với cá nhân là Phó Thủ trưởng đơn vị và công chức, viên chức, người lao động trong các đơn vị thuộc Bộ là nhận xét, xác nhận của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ;

- Đối với cá nhân là Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ là nhận xét, xác nhận của Lãnh đạo Bộ phụ trách;

- Đối với tập thể là Chi cục THADS, các tập thể thuộc Cục THADS là nhận xét, xác nhận của Cục trưởng Cục THADS;

- Đối với tập thể là Cục THADS là nhận xét, xác nhận của Tổng cục trưởng Tổng cục THADS Bộ Tư pháp.

- Đối với cá nhân là Phó Cục trưởng Cục THADS và công chức, người lao động thuộc Cục THADS, Chi cục THADS là nhận xét, xác nhận của Cục trưởng Cục THADS;

- Đối với cá nhân là Cục trưởng Cục THADS là nhận xét, xác nhận của Tổng cục trưởng Tổng cục THADS Bộ Tư pháp.

- Đối với tập thể Sở Tư pháp, cá nhân là Giám đốc Sở Tư pháp là nhận xét, xác nhận của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

- Đối với cá nhân là Phó Giám đốc Sở, công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở Tư pháp là nhận xét, xác nhận của Giám đốc Sở Tư pháp;

- Đối với các Phòng, đơn vị thuộc Sở là nhận xét, xác nhận của Giám đốc Sở Tư pháp;

MẪU SỐ 07

ĐƠN VỊ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..... *.....(1)...., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
V/v công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ..... (2).....

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến...(2)..;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng sáng kiến....(2)... ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận các sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được áp dụng để tăng năng suất lao động, hiệu quả công việc cấp (3).... năm..... cho.... cá nhân (có danh sách kèm theo)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng sáng kiến...(2).., Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3
- Lưu...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Đóng dấu, ký ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (1) Địa danh;
(2) Tên Hội đồng sáng kiến có thẩm quyền công nhận sáng kiến;
(3) Sáng kiến cấp cơ sở, cấp Ngành hoặc cấp toàn quốc.

DANH SÁCH CÁC SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN NĂM....

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- ... ngày... tháng... năm... của.....)

Số TT	Họ và tên, Chức vụ, đơn vị công tác	Tên sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học

MẪU SỐ 08

ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... *.....(1)...., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
V/v công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ..... (2).....

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến...(2)..;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng sáng kiến....(2)... ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học cấp...(3).... cho.... cá nhân (có danh sách kèm theo)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng sáng kiến...(2).., Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3
- Lưu...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Đóng dấu, ký ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (1) Địa danh;
(2) Tên Hội đồng sáng kiến có thẩm quyền công nhận sáng kiến;
(3) Sáng kiến cấp cơ sở, cấp Ngành hoặc cấp toàn quốc.

DANH SÁCH CÔNG NHẬN PHẠM VI ẢNH HƯỞNG, HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CỦA SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-... ngày... tháng... năm... của.....)

Số TT	Họ và tên, Chức vụ, đơn vị công tác	Tên sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học	Thời gian công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học	Nội dung, phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng